

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ

**ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HỆ ĐỘNG VẬT RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ
GIÁM SÁT ĐA DẠNG SINH HỌC**

CHỦ ĐẦU TƯ:

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ XUÂN MAI
GREEN VÀ VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

Đắk Nông, 2024

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ

ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HỆ ĐỘNG VẬT RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ
GIÁM SÁT ĐA DẠNG SINH HỌC

CHỦ ĐẦU TƯ
KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG
GIÁM ĐỐC

LIÊN DANH TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI CÔNG
NGHỆ XUÂN MAI GREEN
PHÓ GIÁM ĐỐC

VIỆN SINH THÁI
RỪNG VÀ MÔI
TRƯỜNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Mạnh

Phan Ngọc Sơn

Phạm Văn Duẩn

Đắk Nông, 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
Phần 1 TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ THỰC HIỆN	1
I. TÍNH CẤP THIẾT THỰC HIỆN	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương	2
2. Văn bản của tỉnh Đắk Nông	3
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	4
Phần 2 ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CÓ LIÊN QUAN	6
I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG	6
1. Vị trí địa lý, địa hình.....	6
2. Khí hậu	7
3. Về thủy văn.....	8
4. Địa chất và thổ nhưỡng.....	8
5. Đặc điểm tài nguyên rừng và khu hệ thực vật.....	9
II. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	12
1. Dân số, dân tộc, lao động	12
2. Kinh tế	13
2.1. Sản xuất	13
2.2. Thu nhập và đời sống	14
3. Xã hội	14
Phần 3 MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	15
I. MỤC TIÊU CỦA NHIỆM VỤ	15
1. Mục tiêu chung	15
2. Mục tiêu cụ thể	15
II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG	15
1. Phạm vi thực hiện	15
2. Đối tượng.....	15
III. NỘI DUNG THỰC HIỆN.....	15
1. Công tác chuẩn bị	15
2. Công tác ngoại nghiệp	16
3. Công tác nội nghiệp.....	17
IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	18
1. Quan điểm và phương pháp luận.....	18
1.2. Tiếp cận nghiên cứu phát triển	19

2. Phương pháp thực hiện.....	21
Phần 4	29
KẾT QUẢ THỰC HIỆN	29
I. THÀNH PHẦN, PHÂN BỐ CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT RỪNG TẠI KHU BTTN NAM NUNG	29
1. Đa dạng nguồn tài nguyên động vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung	29
1.1. Đa dạng về các bậc taxon trong ngành.....	29
1.2. Đa dạng về bậc họ	30
1.3. Đa dạng về bậc chi	31
1.4. Các loài động vật được ghi nhận bổ sung tại Khu BTTN Nam Nung trong đợt điều tra lần này.....	32
2. Các yếu tố địa lý động vật rừng Khu BTTN Nam Nung	34
2.1. Yếu tố về khí hậu.....	34
2.2. Yếu tố về địa hình, địa thế.....	35
2.3. Yếu tố về thủy văn.....	35
3. Sinh cảnh của động vật rừng Khu BTTN Nam Nung	36
3.1. Khu hệ thú tại Khu BTTN Nam Nung	36
3.2. Khu hệ Chim tại Khu BTTN Nam Nung	39
3.3. Khu hệ Bò sát, ếch nhái tại Khu BTTN Nam Nung.....	45
3.4. Khu hệ Cá tại Khu BTTN Nam Nung	49
4. Các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại Khu BTTN Nam Nung và phân bố của chúng	50
4.1. Các loài thú nguy cấp, quý hiếm	50
4.2. Các loài chim nguy cấp, quý hiếm	54
4.3. Các loài bò sát, ếch nhái nguy cấp, quý hiếm	61
II. QUẢN LÝ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CHO BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG.....	65
1. Đặc điểm các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài có giá trị và triển vọng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	65
2. Hệ thống Web Gis quản lý các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.....	66
2.1. Giao diện chức năng người dùng.....	66
2.2. Giao diện chức năng quản trị.....	71
III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ NGUYÊN NHÂN SUY GIẢM NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐỘNG VẬT RỪNG KHU BTTN NAM NUNG	83

1. Tình hình bảo tồn và phát triển các loài động vật rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	83
2. Thực trạng công tác quản lý nguồn tài nguyên động vật rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.....	84
2.1. Thực trạng công tác bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học	84
2.2. Thực trạng công tác quản lý nguồn tài nguyên động vật rừng Khu BTTN Nam Nung	86
3. Nguyên nhân và các mối đe dọa làm suy giảm nguồn tài nguyên động vật rừng Khu BTTN Nam Nung	88
3.1. Đối với khu hệ thú	88
3.2. Đối với khu hệ chim	89
3.3. Đối với khu hệ bò sát, ếch nhái và cá.....	90
IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỘNG VẬT RỪNG ĐẶC BIỆT LÀ CÁC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TẠI KHU BTTN NAM NUNG	91
1. Giải pháp bảo tồn cho các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhằm khôi phục phát triển rừng bền vững	91
1.1. Giải pháp chung quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học	91
1.2. Giải pháp bảo vệ, giữ gìn sinh cảnh sống của loài động vật rừng, đặc biệt là động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	93
1.3. Xây dựng, thực hiện chương trình giám sát, bảo tồn ĐDSH, bảo tồn động vật rừng, đặc biệt là động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	93
2. Giải pháp sử dụng, phát triển bền vững các loài động vật rừng có giá trị góp phần bảo vệ và phát triển rừng bền vững tại Khu BTTN Nam Nung.....	94
2.1. Giải pháp về quản lý	94
2.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm nói riêng	95
IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN	96
1. Hiệu quả về kinh tế, xã hội	96
2. Hiệu quả về môi trường	96
Phần 5	97
KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ	97
1. Kết luận.....	97
2. Khuyến nghị	98
PHỤ LỤC	99

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Diện tích rừng và đất chưa có rừng quy hoạch phát triển rừng của Khu BTTN Nam Nung tính đến 31/12/2022	10
Bảng 2.2. Tổng hợp phân bố dân số theo các xã vùng đệm Khu BTTN Nam Nung	12
Bảng 4.1. Tổng hợp thành phần và tỷ lệ phần trăm các taxon động vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung	29
Bảng 4.2. Thống kê các họ đa dạng loài động vật nhất tại Khu BTTN Nam Nung	31
Bảng 4.3. Các Chi giàu loài động vật nhất tại Khu BTTN Nam Nung	32
Bảng 4.4. Danh sách các loài thú ghi nhận tại Khu BTTN Nam Nung thông qua quan sát trực tiếp, mẫu vật và dấu vết ngoài thực địa	36
Bảng 4.5. Danh sách các loài Chim ghi nhận tại Khu BTTN Nam Nung thông qua quan sát trực tiếp, mẫu vật và tiếng kêu ngoài thực địa	40
Bảng 4.6. Danh sách các loài Bò sát, Ếch nhái ghi nhận tại Khu BTTN Nam Nung thông qua quan sát trực tiếp, mẫu vật và dấu vết ngoài thực địa	46
Bảng 4.7. Danh sách các loài Cá được ghi nhận tại Khu BTTN Nam Nung thông qua điều tra ngoài thực địa	49
Bảng 4.8. Danh sách các loài thú quý hiếm tại Khu BTTN Nam Nung	51
Bảng 4.9. Danh sách các loài Chim quý hiếm tại Khu BTTN Nam Nung	54
Bảng 4.10. Danh sách các loài Bò sát quý hiếm tại Khu BTTN Nam Nung	62
Bảng 4.11. Danh sách các loài Ếch nhái quý hiếm tại Khu BTTN Nam Nung	63

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ tổng thể phương pháp tiếp cận theo mục tiêu và nội dung thực hiện	20
Hình 4.1. Số lượng các bộ, họ, chi, loài động vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung.....	29
Hình 4.2. Tỷ lệ 12 họ giàu loài động vật rừng nhất tại Khu BTTN Nam Nung được ghi nhận	31
Hình 4.3. Một số hình ảnh các loài thú được phát hiện tại khu vực điều tra	38
Hình 4.4. Một số hình ảnh các loài Chim được phát hiện tại khu vực điều tra.....	44
Hình 4.5. Một số hình ảnh các loài Bò sát, Ếch nhái được phát hiện	48
tại khu vực điều tra	48
Hình 4.6. Một số hình ảnh các loài Cá được phát hiện	50
tại khu vực điều tra	50
Hình 4.7. Giao diện trang chủ của Website.....	66
Hình 4.8. Giao diện chức năng tra cứu đa dạng sinh học.....	67
Hình 4.9. Thông tin cụ thể của một loài khi tra cứu.....	69
Hình 4.10. Giao diện truy cập chức năng bản đồ	70
Hình 4.11. Thông tin hiển thị trong chức năng bản đồ.....	70
Hình 4.12. Hiện thị điểm phân bố của các loài nguy cấp, quý hiếm.....	71
Hình 4.13. Thông tin thuộc tính về các loài nguy cấp, quý hiếm.....	71
Hình 4.14. Giao diện đăng nhập hệ thống Website	72
Hình 4.15. Danh sách quản lý file bản đồ	72
Hình 4.16. Form thêm mới file bản đồ	72
Hình 4.17. Form xác nhận sử dụng file	73
Hình 4.18. Form xác nhận xóa khi người dùng chọn xóa	73
Hình 4.19. Danh sách quản lý loài	73
Hình 4.20. Form thêm mới loài	74
Hình 4.21. Form cập nhật thông tin loài.....	75
Hình 4.22. Form xác nhận xóa khi người dùng chọn xóa	75
Hình 4.23. Sơ đồ phương thức vận hành của thao tác thêm loài.....	76
Hình 4.24. Sơ đồ vận hành của theo tác sửa thông tin loài	76
Hình 4.25. Sơ đồ vận hành thao tác xóa loài.....	77
Hình 4.26. Danh sách quản lý điểm phân bố thực vật.....	77
Hình 4.27. Menu quản lý ảnh cho điểm phân bố	78
Hình 4.28. Form thêm mới điểm phân bố	78
Hình 4.29. Form cập nhật thông tin điểm phân bố.....	78
Hình 4.30. Form xác nhận xóa khi người dùng chọn xóa	79
Hình 4.31. Sơ đồ thao tác thêm điểm phân bố các loài	79

Hình 4.32. Sơ đồ thao tác sửa thông tin điểm phân bố các loài	79
Hình 4.33. Sơ đồ thao tác xóa điểm phân bố các loài	80
Hình 4.34. Danh sách quản lý tài khoản.....	80
Hình 4.35. Form thêm mới tài khoản	81
Hình 4.36. Form cập nhật thông tin tài khoản.....	81
Hình 4.37. Form xác nhận xóa khi người dùng chọn xóa	81
Hình 4.38. Sơ đồ thao tác thêm tài khoản	82
Hình 4.39. Sơ đồ thao tác sửa thông tin tài khoản.....	82
Hình 4.40. Sơ đồ thao tác xóa tài khoản.....	83
Hình 4.41. Gà đồng (Cuộc ngực trắng) được bán trên quốc lộ 14	90

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	BTTN	: Bảo tồn thiên nhiên
2	BQL	: Ban quản lý
3	BVR	: Bảo vệ rừng
4	CITES	: Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
5	CSDL	: Cơ sở dữ liệu
6	DLST	: Du lịch sinh thái
7	IUCN	: Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
8	NĐ 84	: Nghị định 84
9	NN&PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	PTNT	: Phát triển nông thôn
11	QLBVR	: Quản lý bảo vệ rừng
12	SĐVN	: Sách đỏ Việt Nam
13	TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
14	UBND	: Ủy ban nhân dân

Phần 1

TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ THỰC HIỆN

I. TÍNH CẤP THIẾT THỰC HIỆN

Ban quản lý dự án Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung được thành lập theo Quyết định số 2067/QĐ-UB ngày 30/10/1996 và được giao quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1190/QĐ-UB ngày 18/06/1997 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở hồ sơ đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, được UBND tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung với tổng diện tích 12.307,8 ha. Nhằm bảo vệ bền vững hệ sinh thái rừng tự nhiên của Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung; năm 2016 UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc thu hồi đất của các tổ chức trên địa bàn các huyện Krông Nô, Đắk Song, Đắk GLong giao cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung quản lý. Đến năm 2020, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 16/4/2020, về việc thu hồi đất của Chi cục Kiểm lâm tỉnh, đồng thời giao đất, giao rừng cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đến nay, diện tích của đơn vị tăng lên thành 23.296,47 ha và thuộc 10 xã/3 huyện, bao gồm: Xã Quảng Sơn (huyện Đắk Glong); các xã: Đắk Hòa, Đắk Mol, Nậm N'Jang (huyện Đắk Song) và các xã: Đức Xuyên, Nậm N'Đir, Nậm Nung, Đắk Sôr, Nam Đà, Buôn Choar (huyện Krông Nô).

Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung có vai trò đặc biệt quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, điều tiết nguồn nước cho dòng sông Krông Nô và lưu giữ nước cho các hồ, đập thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Với ý nghĩa quan trọng của Khu rừng đặc dụng Nam Nung, năm 1986 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 194/HĐBT công nhận khu rừng Nam Nung là một trong 87 khu rừng cấm quốc gia, cần được bảo vệ. Năm 1996 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2067/QĐ-UB ngày 30/10/1996 thành lập Ban quản lý. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sự quan tâm đặc biệt của UBND tỉnh Đắk Nông cùng với nỗ lực của tập thể công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị, từ khi thành lập đến nay đã chú trọng đầu tư xây dựng, bảo vệ, phát triển rừng và đạt được kết quả nhất định, diện tích rừng và các hệ sinh thái rừng tự nhiên của Khu bảo tồn đã được bảo vệ và phục hồi, phát triển tốt, hạn chế tối đa các hoạt động tiêu cực tác động trực tiếp, gián tiếp vào Khu Bảo tồn.

Địa hình của Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung gồm nhiều dãy núi thấp và núi trung bình, điển hình là dãy Nam Nung có đỉnh Nam JerBri cao 1.578 m. Nơi đây có diện tích không lớn so với các Khu Bảo tồn khác trong khu vực Tây Nguyên, nhưng hệ sinh thái rừng rất đa dạng và phong phú, được xếp vào cấp bảo tồn Quốc gia, cụ thể như sau:

- Về hệ sinh thái rừng: Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung có 2 hệ sinh thái rừng chủ yếu là rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh và rừng hỗn giao tre nứa tự nhiên. Trong đó, hệ sinh thái rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh chiếm tỷ lệ diện tích lớn, trên 90% diện tích của Khu Bảo tồn.

- Về thực vật: Năm 2022, Khu BTTN Nam Nung đã thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá đa dạng thực vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung phục vụ công tác quản lý, bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm”. Kết quả cho thấy hệ thực vật Khu BTTN Nam